

Name:

Date: / / 20....

Class: S3...



Vocabulary:

Listening:

Mini Test:

ON THE FARM

Vocabulary & FLYERS Speaking

❖ **Lưu ý:** Với các từ vựng mới mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1** dòng để ghi nhớ nhé

A. VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	cow (n)	con bò	7	donkey (n)	con lừa
2	hen (n)	gà mái	8	tractor (n)	máy kéo
3	rooster (n)	gà trống	9	barn (n)	chuồng trại
4	pig (n)	con lợn	10	windmill (n)	cối xay gió
5	goose (n)	con ngỗng	11	crop (n)	mùa vụ
6	sheep (n)	con cừu	12	field (n)	cánh đồng

❖ **Note:** n = noun: danh từ

B. HOMEWORK

Exercise 1: Circle the correct answer

0. There are _____ cups in the kitchen.

☒ A. some B. little C. A & B

1. The _____ makes electricity (điện) by using the power of the wind.

A. windmill B. field C. barn

2. I can hear the "mooing" sound of the _____ in the morning.

A. sheep B. cow C. hen

3. I am eating eggs from my farm. We have a lot of _____.

A. donkeys B. roosters C. hens

4. The pigs must go to their _____ after we feed them.

A. barn B. tractor C. crop

5. This rice _____ is so big.

A. crop B. barn C. windmill

Exercise 2: Fill in the blanks

0.  <u>sweet</u>	1.  t _____ r
2.  g _____ e	3.  d _____ y
4.  r _____ r	5.  w _____ l

Exercise 3: Fill in the blanks with the words from the box

pigs	tractor	sheep	crop	windmill	rooster
------	---------	-------	-----------------	----------	---------

It was an early morning on the farm. Jin visited the (0) crop field and saw the (1) _____ eating next to the barn. The (2) _____ was *spinning* (*quay*) in the wind. His grandfather was driving their (3) _____ and his mother was taking the *fur* (*lông*) from the (4) _____. It was 6 a.m. and the (5) _____ was waking up the farm.



Con nghe bài nghe theo link sau:

<https://www.youtube.com/watch?v=AgaBZdNqDFk>

Part 2

– 5 questions –

Listen and write. There is one example.



Cycling club

Day cycling club meets: Mondays

1 Name of William's classmate at the club:

2 Today children learnt about:

3 Place where children cycle: in park on

4 Children must wear: a

5 End of the year party with:

MINI TEST

Exercise 1: Arrange the words to make correct sentences

0. My / is / name / James.

⇒ My name is James.

1. lemons / These / sour / are / .

⇒ _____.

2. I / twice / watched / TV / this morning / .

⇒ _____.

3. apple / sweet / The / is / .

⇒ _____.

4. Laura / fried chicken / likes / because / crispy / they're / .

⇒ _____.

5. The / spicy / orange / is / not / .

⇒ _____.

Exercise 2: Circle the correct answer

0. I read / reads books.

1. Nancy took **few** / **little** grapes from the fridge.

2. Jay has **some** / **few** milk in his bag.

3. Would you like **some** / **few** chocolate?

4. There is just **little** / **few** orange juice left.

5. Zoe bought **some** / **little** books for her sister.



Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

